TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **229/**2020/DS-ST
Ngày: 20/8/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tạ Công Minh**

2. Ông **Lê Văn Nghĩa**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-DS ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp HL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Thị B**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp BT, xã BT, huyện CT, Tiền Giang.

(Có mặt chị T; vắng mặt chị B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện,bản tự khai cùng ngày 20/5/2020, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị có tham gia chơi 04 dây hụi do chị Lê Thị B làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất, hụi 1.000.000đồng, gồm có 28 hụi viên, mỗi tháng khui 01 lần, bắt đầu khui vào ngày 20/4/2017, chị đã đóng được 27 phần, dây hụi này chị là người hốt chót được số tiền là 26.800.000đồng. Đến nay, bà B vẫn chưa giao tiền cho chị.

- Dây hụi thứ hai, hụi 1.000.000đồng, gồm có 30 hụi viên, mỗi tháng khui 02 lần, bắt đầu khui vào ngày 07/6/2018, chị đã đóng được 27 phần, dây hụi này chị hốt chót với số tiền là 26.800.000đồng. Đến nay, bà B vẫn chưa giao tiền cho chị.

- Dây hụi thứ ba, hụi 1.000.000đồng, gồm có 30 hụi viên, mỗi tháng khui 02 lần, bắt đầu khui ngày 07/6/2018, chị đã đóng được 27 phần, dây hụi này chị hốt chót với số tiền là 26.800.000đồng, nhưng đến nay bà B chưa trả số tiền đó cho chị.

- Dây hụi thứ tư, hụi 1.000.000đồng, gồm có 31 hụi viên, mỗi tháng khui 02 lần, bắt đầu khui ngày 22/02/2019, chị đã đóng được 13 phần với số tiền là 8.660.000đồng, thời điểm này bà B tuyên bố vỡ hụi.

Chị đã nhiều lần gặp bà B để lấy tiền nhưng bà B cứ hẹn hoài mà không trả. Bà B chỉ trả được 10.000.000đồng và hứa sẽ tiếp tục gom hụi trả cho chị nhưng đến nay bà B vẫn chưa thực hiện lời đã hứa.

Như vậy, tổng cộng 04 dây hụi bà B đã thiếu chị là 79.060.000đồng. Đến nay, chị và bà B vẫn không thương lượng, hòa giải được để giải quyết vụ án nêu trên. Nay chị yêu cầu bà Lê Thị B trả cho chị 79.060.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

***** *Trong bản tự khai ngày 30/7/2020, bị đơn Lê Thị B trình bày:*

Chị là chủ hụi, chị T là hụi viên có tham gia 04 dây hụi 1.000.000đồng do chị tổ chức, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất khui ngày 20/4/2017, có 28 hụi viên, mỗi tháng khui 01 lần, chị T là người hốt chót. Đây là dây hụi đã mãn, số tiền hụi chị T hốt chót là 26.800.000đồng (đã cấn trừ hoa hồng), chị chưa giao hụi cho chị T.

- Dây hụi thứ hai có 27 hụi viên, gồm 30 phần, Thi chơi 03 phần mỗi tháng khui 02 lần, bắt đầu khui ngày 07/6/2018, dây này chị T là người hốt chót, được mỗi phần là 26.800.000đồng (đã cấn trừ hoa hồng), chị đã giao cho chị T 26.800.000đồng, còn nợ chị T 02 phần hụi chót là 53.600.000đồng.

- Dây hụi thứ ba, có 31 hụi viên, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 22/02/2019, chị T đã đóng được 13 phần với số tiền 8.660.000đồng, dây hụi này bị bể.

Tổng cộng tiền hụi chị còn nợ chị T là 79.060.000đồng.

Lý do bể hụi, do có nhiều hụi viên nhiều lần không đóng tiền hụi sau khi hốt hụi, chị chàn hụi cho nhiều người bằng tiền của chính chị, lâu dần không thể chàn được nữa, một phần con nhỏ của chị bị bệnh nặng, nên chị có trao đổi với hụi viên ngưng khui hụi một thời gian, để sức khỏe con chị ổn định về chị sẽ giải quyết thỏa đáng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Lê Thị B trả số tiền nợ hụi là 79.060.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, do đơn khởi kiện chị trình bày chưa rõ, nay chị trình bày lại như sau:

Chị tham gia 03 dây hụi do chị B làm chủ hụi. Cụ thể:

Dây hụi thứ nhất, hụi tháng khui ngày 20/4/2017, chị là người hốt chót được 26.800.000đồng (trừ tiền hoa hồng 200.000đồng cho chị B).

Dây hụi thứ hai, khui ngày 07/6/2018, hụi tháng 1.000.000đồng, khui 02 lần/tháng, chị tham gia 03 phần, hốt trước 01 phần, còn 02 phần chị hốt chót được số tiền 26.800.000 x 02 phần = 53.600.000đồng (trừ tiền hoa hồng 200.000đồng x 02 phần cho chị B).

Dây hụi thứ ba, hụi tháng 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, chị đóng được 13 đợt hụi với số tiền là 8.660.000đồng.

Tháng 9/2019, chị B tuyên bố bể hụi rất nhiều dây hụi. Tổng số tiền hụi chị B nợ chị là 89.060.000đồng. Qua nhiều lần gặp chị B để đòi tiền nợ hụi còn thiếu, chị B trả trước cho chị được 10.000.000đồng, khoản còn lại chị B hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn chưa trả cho chị, nên chị khởi kiện với yêu cầu như trên. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Lê Thị B có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (đơn ngày 30/7/2020), căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] - ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Theo nội dung đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

[3] - ***Về nội dung yêu cầu:***

Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có văn bản thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là còn nợ nguyên đơn tổng cộng 79.060.000đồng và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật, nguyên đơn không cần phải chứng minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 280, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu của chị T là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị B chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 280; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Lê Thị B trả cho chị Nguyễn Thị T **79.060.000 (bảy mươi chín triệu không trăm sáu chục ngàn)đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị B phải chịu **3.953.000đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí **1.976.500đồng** mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002803 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang.*
- *VKSND huyện Châu Thành.*
- *Chi cục THADS.HCT.*
- *Cácđương sự.*
- *Lưu HSVA.*